TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:37/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2022
V/v: *Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị T và anh T*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ;

Ông Trần Đình Phấn.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Phương -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 7/4/2022, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Vương Thị T, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn N, (xóm 8 cũ), xã X, huyện Xg, tỉnh Nam Định; hiện ở: Số 1/75, Hẻm 65, Đường số 2, phường T, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt; chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

-*Bị đơn*: Anh Phạm Hồng T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, (xóm 8 cũ), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt; anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/2/2022 lời khai quá trình giải quyết nguyên đơn chị Vương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hồng T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2007. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đông quan điểm, vợ chồng không hiểu nhau, không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2017 anh Thành sử dụng chất gây nghiện, chị đã khuyên giải nhưng anh T không từ bỏ mà vẫn tiếp tục sử dụng. Hai năm nay vợ chồng đã sống ly thân, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Phạm Hồng T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Thị Ánh T, sinh ngày 31/3/2008 và Phạm Ngọc Quyết T, sinh ngày 05/11/2019; hiện con Tuyết đang ở với anh T con T đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi T, để anh T nuôi con Tuyết hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phạm Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vương Thị T tự nguyện hiểm đi đến hôn nhân và đã UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2007. Sau khi lấy nhau vợ chồng làm ăn ở quận 9, TP Hồ Chính Minh, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Cuối năm 2019, anh về quê sống một phần để chăm sóc bố mẹ anh ốm đau, anh đã đông viên chị T là vợ chồng về quê để sinh sống làm ăn nhưng chị T không nghe nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm hạnh phúc đã tan vỡ chị T xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 2 con chung tên là Phạm Thị Ánh T, sinh ngày 31/3/2008 và Phạm Ngọc Quyết , sinh ngày 05/11/2019; hiện con Tuyết đang ở với anh, còn con đang ở với chị T. Khi ly anh xin nhận nuôi con Tuyết, còn để chị T nuôi con T hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; hiện nay anh đang nghề hàn mức thu nhập bình quân khoảng 9 triệu đồng/tháng.

Về tài sản: Anh và chị Th tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã X.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hồng T và chị Vương Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định vào ngày 04/10/2007. Sau khi anh T và chị T lấy nhau chủ yếu làm ăn sinh sống ở trong Miền Nam. Năm 2019, anh Thành mới về quê sinh sống nên mâu thuẫn giữa anh T và chị T như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Căn cứ vào tình trạng hôn nhân cũng như qua lời trình bày của các đương sự mâu thuẫn vợ chồng do tình tính, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Nay chị T xin ly hôn anh T, anh T nhất trí, đề nghị Tòa án căn cứ vào lời trình của đương sự giải quyết ly hôn giữa chị Thuận và anh Thành.

Về con chung: Anh T và chị Thuận có 2 con chung tên là Phạm Thị Á Tu, sinh ngày 31/3/2008 và Phạm Ngọc Quyết , sinh ngày 05/11/2019; hiện cháu Tuyết đang ở với anh T, cháu T đang ở với chị Th. Nay chị T và anh T ly hôn, chị Tn xin nhận nuôi cháu T, anh T xin nhận nuôi cháu T, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào lời trình bày của các bên, đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con như các đương sự đã thống nhất là phù hợp.

Về tài sản: Anh T và chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử , các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Vương Thị T và anh Phạm Hồng T.

Về con chung: Giao cho chị Vương Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Ngọc Quyết t, sinh ngày 05/11/2019. Giao cho anh Phạm Hồng T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Phạm Thị Ánh T, sinh ngày 31/3/2008; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Đương sự tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Về án phí: Nguyên đơn chị Vương Thị T phải nộp án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị T và anh Phạm Hồng T kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống ở trong Miền Nam, vợ chồng sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân từ hơn 02 năm nay, chị Thuận xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên xin ly hôn anh T, anh T nhất trí. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nay chị T xin ly hôn anh T nhất trí nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vương Thị T đối với anh Phạm Hồng T.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Vương Thị T và anh Phạm Hồng T có 02 con chung là Phạm Thị Ánh T, sinh ngày 31/3/2008 và Phạm Ngọc Quyết T, sinh ngày 05/11/2019. Nay ly hôn chị T và anh T thống nhất việc nuôi con, chị T nhận nuôi con T, còn để anh T nuôi con T, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con, anh T nhất trí. Xét thấy các đương sự thống nhất việc nuôi con khi ly hôn là phù hợp. Vì vậy HĐXX sẽ giao cho chị T tiếp nuôi con T, anh T tiếp tục nuôi con T hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hông nhân và gia đình.

[3] Về tài sản: Chị Vương Thị T và anh Phạm Hồng T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Vương Thị T và anh Phạm Hồng T.

2. Về con chung: Giao cho chị Vương Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Ngọc Quyết T, sinh ngày 05/11/2019. Giao cho anh Phạm Hồng T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Thị Ánh T, sinh ngày 31/3/2008. Chị T và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con do mình không trực tiếp nuôi dưỡng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vương Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002938 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Thuận đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X: 01 bản;
- Các đương sự 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc Long